

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 15/8/2024

“V/v ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lê Minh Toàn

Bà: Cao Thị Thu Nga

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST - HNGĐ ngày 08/5/2024 về việc “ly hôn, chia con chung, khoản vay chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Đinh Thị Thanh H** – sinh năm 1984

Địa chỉ: **thôn B B, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình**; *Có mặt.*

Bị đơn: anh **Đinh Tiến D** – sinh năm 1983

Địa chỉ: **tổ dân phố C, thị trấn Q, huyện M, Quảng Bình**, *Có mặt.*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**.

Người được uỷ quyền: ông **Nguyễn Tất T** – Phó Giám đốc **phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C**, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: **tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình** (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2024, tại bản tự khai ngày 22/5/2024 và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị **Đinh Thị Thanh H** trình bày: chị và anh **Đinh Tiến D** kết hôn ngày 05/6/2012 tại **UBND xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không dàn xếp được nên vợ chồng sống ly thân với nhau. Nay nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu **Đinh Nữ Thùy T1** sinh ngày 31/12/2012 và cháu **Đinh Quỳnh N** sinh ngày 11/5/2014. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị **H** kê khai một số tài sản chung nhưng quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị **H** không yêu cầu tòa án giải quyết.

Khoản vay chung: Anh Dũng kê khai vay tại **ngân hàng chính sách xã hội huyện C** 45.000.000 đồng nhưng chị **H** không nhất trí vì khoản vay trên vay trước hôn nhân sau đó anh **D** một mình đảo sổ vay và sử dụng khoản vay này một mình nên nếu ly hôn chị **H1** yêu cầu anh **D** chịu trách nhiệm trả khoản vay này.

Tại bản tự khai ngày 07/6/2024, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh **Đinh Tiến D** trình bày: Anh Dũng mong muốn chị **H** suy nghĩ lại vì con cái nhưng nếu chị **H** một mực xin ly hôn anh nhất trí ly hôn với chị **H**; về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu **Đinh Nữ Thùy T1** sinh ngày 31/12/2012 và cháu **Đinh Quỳnh N** sinh ngày 11/5/2014. Các cháu đang ở với anh **D** và anh **D** tôn trọng nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung: anh **D** không yêu cầu tòa án giải quyết

Về khoản vay chung: Anh chị vay tại **ngân hàng chính sách xã hội huyện C** 45.000.000 đồng, anh **D** đề nghị chia đôi. Nếu chị **H** một mực không chịu trách nhiệm về khoản vay này anh **D** sẽ chịu trách nhiệm trả khoản vay trên cho **Ngân hàng C**.

*Tại bản tự khai, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa hôm nay người được uỷ quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Tất T** trình bày: chị **H** và anh **D** vay tại ngân hàng số tiền gốc 45.000.000 đồng và lãi phát sinh là 310.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 45.310.000 đồng, tại mã món vay: 66000001440624 ngày 16/10/2021. Anh chị đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với khoản vay. Nếu anh chị ly hôn ngân hàng đề nghị Tòa án chia đôi khoản vay, mỗi người có trách nhiệm trả một nửa để đảm bảo thu hồi vốn cho nhà nước trước khi ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay anh **D** trình bày anh nhất trí chịu trách nhiệm trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng nhất trí như ý kiến của anh **D**, buộc anh **D** trả toàn bộ cả gốc và lãi số tiền 45.310.000 đồng cho **Ngân hàng C** để thu hồi vốn.*

Tòa án đã thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh **D** và chị **H** không thỏa thuận được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị **Đinh Thị Thanh H** và anh **Đinh Tiến D** kết hôn ngày 05/6/2012 tại **UBND xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không dàn xếp được nên đã sống ly thân với nhau. Anh **Đinh Tiến D** không nhất trí ly hôn vì muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Toà án tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng chị **H** một mực xin ly hôn và hiện nay hai vợ chồng sống ly thân với nhau, chị **H2** không còn tình cảm với anh **D** nữa. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét xử chị **Đinh Thị Thanh H** ly hôn anh **Đinh Tiến D**.

[3] . Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu **Đinh Nữ Thùy T1** sinh ngày 31/12/2012 và cháu **Đinh Quỳnh N** sinh ngày 11/5/2014. Nếu ly hôn chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu, anh **D** tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Tuy nhiên xét thấy các con của anh chị là con gái và các cháu đang còn nhỏ, hiện nay anh **D** thu nhập không ổn định, hiện nay chị **H** đang là giáo viên và chị **H** cũng có nguyện vọng nuôi con. Mặc dù các cháu đều có nguyện vọng muốn ở với bố. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho các cháu về học tập, sinh hoạt và vật chất. Hội đồng xét xử giao cho mỗi người mỗi cháu là phù hợp. Áp dụng Điều 81, các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu **Đinh Quỳnh N** sinh ngày 11/5/2014 cho chị **Đinh Thị Thanh H** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu **Đinh Nữ Thùy T1** sinh ngày 31/12/2012 cho anh **Đinh Tiến D** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con;

[4]. Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị **H** kê khai một số tài sản chung nhưng tại các phiên các hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị **H** và anh **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về vay nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay và các phiên hòa giải chị **H** trình bày khoản vay 45.000.000 đồng tại **Ngân hàng chính sách xã hội huyện C** là khoản vay trước hôn nhân sau đó anh **D** một mình đảo sổ vay và sử dụng số tiền vay lúc đó chị đang ở Bình Dương không biết nếu ly hôn chị **H** giao anh **D** chịu trách nhiệm trả khoản vay này. Tại phiên tòa hôm nay anh **D** nhất trí chịu trách nhiệm trả khoản vay trên cả gốc và lãi và phía Ngân hàng nhất trí như ý kiến của anh **D**. Vì vậy căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét

xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao cho anh **Đinh Tiến D** có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng C** tổng cộng cả gốc và lãi là 45.310.000 đồng, tại mã món vay: 66000001440624 lập ngày 16/10/2021.

[4] Về án phí: chị **Đinh Thị Thanh H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 37, 51, 56, 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Đinh Thị Thanh H** được ly hôn anh **Đinh Tiến D**.

2. Về con chung: Xử giao cháu **Đinh Quỳnh N** sinh ngày 11/5/2014 cho chị **Đinh Thị Thanh H** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu **Đinh Nữ Thùy T1** sinh ngày 31/12/2012 cho anh **Đinh Tiến D** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con;

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con;

3. Về khoản vay chung: giao cho anh **Đinh Tiến D** có nghĩa vụ trả khoản nợ **Ngân hàng C** số tiền gốc và lãi là 45.310.000đ (bốn mươi lăm triệu ba trăm mười ngàn đồng) theo khế vay 6600000721440624 lập ngày 16/10/2021.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: chị **Đinh Thị Thanh H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị **Đinh Thị Thanh H** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000562 ngày 08/5/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa nay được khấu trừ. Chị **H** đã nộp đủ án phí

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn, có mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố các bên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Người có quyền lợi và NVQL;
- UBND xã Xuân Hoá ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:**

Trương Quốc Hoàn

